

# THỰC TRẠNG ĐỘI NGŨ LÀM CÔNG TÁC THAM VẤN HỌC ĐƯỜNG HIỆN NAY

*HUỲNH VĂN SƠN, NGUYỄN THỊ TÚ  
NGUYỄN THỊ DIỄM MY, ĐẶNG HOÀNG AN  
Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh*

**Tóm tắt:** Bài báo đề cập thực trạng đội ngũ làm công tác tham vấn học đường (TVHĐ) phân tích trên bình diện số lượng. Kết quả nghiên cứu cho thấy số lượng người làm công tác TVHĐ/trường tăng không đồng đều trong 5 năm gần đây và số lượng còn hạn chế; phần lớn các trường phổ thông hiện nay đã có phòng dành cho công tác TVHĐ nhưng chủ yếu là phòng không chuyên, sử dụng các phòng chức năng khác để thay thế; số lượng người làm công tác TVHĐ/trường phân bố không đồng đều theo bậc học và điểm đáng lưu ý ở bậc mầm non và tiểu học số lượng đạt dưới mức tỷ lệ 1; và số lượng người làm công tác TVHĐ chủ yếu là kiêm nhiệm.

**Từ khóa:** Đội ngũ, tham vấn học đường, đội ngũ làm công tác tham vấn học đường.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Năm 2005, Bộ Giáo dục và Đào tạo ra thông tư số 2564/BGD&ĐT - HSSV ngày 04 tháng 4 năm 2005 [1] và sau đó thông tư số 9971/BGD&ĐT-HSSV ngày 28 tháng 5 năm 2005 [2] với nội dung hướng dẫn việc đưa công tác tham vấn tâm lý và hướng nghiệp vào trường học. Đến năm 2008, Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh trong công văn tuyển dụng giáo viên, lần đầu tiên có mục tuyển dụng giáo viên chuyên ngành, Tâm lý Giáo dục với mục đích cung cấp đội ngũ chuyên viên TVHĐ cho các trường phổ thông trung học. Đây được coi như một “đấu mốc” đánh dấu đưa TVHĐ trở thành một ngành nghề thực sự.

Đội ngũ làm công tác TVHĐ chính là lực lượng trực tiếp thực hiện hoạt động tham vấn tâm lý ở trường học. Đội ngũ làm công tác TVHĐ sẽ giải quyết hiệu quả những khó khăn trong đời sống tâm lý của học sinh (HS), phòng ngừa kịp thời những tác động tiêu cực có thể gây bất ổn, ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống và học tập của trẻ. Có thể thấy, đội ngũ này có sự ảnh hưởng nhất định đến chất lượng giáo dục của nhà trường. Do đó, việc phát triển đội ngũ làm công tác TVHĐ vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển hoạt động tham vấn tâm lý ở trường học thuộc khu vực phía Nam nói riêng và cả nước nói chung.

Sự phát triển với tốc độ nhanh và đầy biến động của nền kinh tế - xã hội, các yêu cầu ngày càng cao của nhà trường và cả những điều bất cập trong thực tiễn giáo dục; thêm vào đó là sự kỳ vọng quá cao của cha mẹ, thầy cô đang tạo ra những áp lực lớn và gây căng thẳng cho HS trong cuộc sống cũng như trong học tập và quá trình phát triển. Trong lúc đó, sự hiểu biết của HS về bản thân mình cũng như kỹ năng sống của các em

vẫn còn hạn chế. Những hệ lụy có thể dẫn đến ở HS là những rối loạn về phát triển tâm lý, những rối loạn về cảm xúc như lo âu, trầm cảm hay những rối loạn về hành vi (như vô kỷ luật, bỏ học, trốn học, trộm cắp, hung bạo...). Thực tế cho thấy HS gặp không ít khó khăn trong học tập, tu dưỡng đạo đức, xây dựng lý tưởng sống cho mình cũng như xác định cách thức ứng xử cho phù hợp trong các mối quan hệ xung quanh. Những HS này rất cần được sự trợ giúp của các nhà chuyên môn, của thầy cô giáo và cha mẹ.

Việc nghiên cứu thực trạng đội ngũ làm công tác TVHĐ là một vấn đề thiết thực, góp phần tạo nên cái nhìn thực tế hơn về số lượng người làm công tác TVHĐ/trường hiện nay và phòng dành chuyên cho TVHĐ ở các trường phổ thông đã được đảm bảo hay không. Đây chính là cơ sở đề ra các biện pháp phát triển đội ngũ làm công tác TVHĐ hiện nay

## 2. KHÁCH THỂ NGHIÊN CỨU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Khách thể nghiên cứu

Mẫu khảo sát của đề tài gồm 320 khách thể, bao gồm 102 cán bộ quản lý (CBQL) và 218 người làm công tác TVHĐ ở các tỉnh thành khu vực phía Nam. Khách thể nghiên cứu được lựa chọn theo các tiêu chí về Tỉnh/Thành phố, vị trí đang công tác, thâm niên công tác, công tác ở bậc học, giới tính. Thông tin cụ thể về khách thể nghiên cứu được thể hiện chi tiết ở bảng 1.

Bảng 1. *Vài nét về khách thể nghiên cứu*

Nhóm khách thể	Đặc điểm	Tần số	Tỷ lệ phần trăm (%)	
CBQL	Tỉnh/Thành phố	TP.HCM	37	36,3
		Long An	23	22,5
		Cà Mau	12	11,8
		Bình Dương	15	14,7
		Đồng Nai	15	14,7
	Giới tính	Nam	58	56,9
		Nữ	44	43,1
	Vị trí đảm nhận	Hiệu trưởng	51	50,0
		Phó hiệu trưởng	51	50,0
	Thâm niên công tác	Dưới 10 năm	76	74,5
		Từ 11 -15 năm	26	25,5
	Trình độ	Cử nhân	80	78,4
Thạc sĩ		22	21,6	
Đội ngũ làm công tác TVHĐ	Tỉnh/Thành phố	TP.HCM	72	33,0
		Long An	44	20,2
		Cà Mau	22	10,1
		Bình Dương	39	17,9
		Đồng Nai	41	18,8
	Giới tính	Nam	51	23,4
		Nữ	167	76,6

	Trình độ	Cử nhân	196	89,9
		Thạc sĩ	18	8,30
		Khác	4	1,80
	Công tác bậc học	Mầm non	17	7,80
		Tiểu học	43	19,7
		THCS	72	33,0
		THPT	86	39,4
	Chuyên ngành được đào tạo	Ngữ văn	30	13,8
		Tâm lý giáo dục	43	19,7
		Vật lý	23	10,6
		GDTH	23	10,6
		QLGD	22	10,1
		Khác	77	35,2

#### - Nhóm khách thể CBQL:

+ Tiêu chí về Tỉnh/Thành phố: nghiên cứu 5 Tỉnh/Thành phố ở khu vực phía Nam, trong đó có 37/102 CBQL tại TP.HCM (chiếm 36,3%), Long An có 23 khách thể (chiếm 22,5%), Cà Mau có 12 khách thể (chiếm 11,8%), Bình Dương và Đồng Nai mỗi nơi có 15 khách thể (chiếm 14,7%).

+ Tiêu chí về giới tính: nghiên cứu CBQL nam và nữ, trong đó CBQL nam có 58/102 (chiếm 56,9%) và nữ 44/102 (chiếm 43,1%).

+ Tiêu chí về vị trí đảm nhận: khảo sát các CBQL trường học, trong đó hiệu trưởng có 51/102 (chiếm 50%) và Phó hiệu trưởng có 51/102 (chiếm 50%).

+ Tiêu chí về trình độ: khảo sát ở tất cả trình độ, trong đó cử nhân có 80/102 CBQL (chiếm 78,4%) và Thạc sĩ 22/102 (chiếm 21,6%).

+ Tiêu chí về thâm niên công tác: khảo sát các mốc thâm niên khác nhau, trong đó thâm niên công tác dưới 10 năm có 76/102 CBQL (chiếm 74,5%), từ 11 - 15 năm có 26/102 (chiếm 25,5%).

#### - Nhóm khách thể đội ngũ làm công tác TVHD:

+ Tiêu chí về Tỉnh/Thành phố: cũng nghiên cứu 5 Tỉnh/Thành phố ở khu vực phía Nam, trong đó TP.HCM có 72/218 (chiếm 33,0%), Long An có 44/218 (chiếm 20,2%), Cà Mau 22/218 (chiếm 10,1%), Bình Dương 39/218 (chiếm 17,9%), Đồng Nai 41/218 (chiếm 18,9%).

+ Tiêu chí về giới tính: nghiên cứu người làm công tác TVHD là nam và nữ, trong đó nam có 51/218 (chiếm 23,4%) và nữ có 167/218 (chiếm 76,6%).

+ Tiêu chí về chuyên môn chính: khảo sát tất cả các ngành mà đội ngũ làm công tác TVHD được đào tạo, trong đó Ngữ văn có 30/218 (chiếm 13,8%), Tâm lý giáo dục có 43/218 (chiếm 19,7%), Vật lý có 23/218 (chiếm 10,6%), GDTH 23/218 (chiếm 10,6%), QLGD có 22/218 (chiếm 10,1%) và chuyên môn khác có 77/218 (chiếm 35,2%).

+ Tiêu chí về trình độ: khảo sát ở tất cả trình độ, trong đó cử nhân có 196/218 (chiếm 89,9%), thạc sĩ có 18/218 (chiếm 8,3%) và trình độ khác có 4/218 (chiếm 1,8%).

+ Tiêu chí về bậc học đang công tác: nghiên cứu ở tất cả các bậc từ mầm non đến THPT, trong đó Mầm non có 17/218 (chiếm 7,8%), Tiểu học có 43/218 (chiếm 19,7%), THCS 72/218 (chiếm 33,0%), THPT 86/218 (chiếm 39,4%).

Với những thông tin nói trên từ hai nhóm khách thể có thể thấy mẫu nghiên cứu khá đa dạng và sự phân tán về Tỉnh/Thành phố, giới tính, vị trí đảm nhận, trình độ, thâm niên công tác một cách khá phù hợp. Điều này giúp cho quá trình nghiên cứu thu thập các thông tin mang tính đại diện và khách quan.

## 2.2. Phương pháp nghiên cứu

Tiến hành thông qua việc phối hợp đồng bộ các phương pháp: phương pháp nghiên cứu lý luận, phương pháp nghiên cứu thực tiễn gồm: phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, phương pháp phỏng vấn và phương pháp toán thống kê trong đó phương pháp điều tra bằng bảng hỏi là phương pháp chính.

Công cụ nghiên cứu là một phiếu thăm dò được thực hiện qua ba giai đoạn: Điều tra thử bằng bảng thăm dò mở, thiết kế bảng hỏi, khảo sát chính thức. Công cụ nghiên cứu này dựa trên ba nguyên tắc: đảm bảo giá trị về mặt nội dung; đáng tin cậy về mặt thống kê; sử dụng các hình thức câu hỏi sao cho phù hợp với nội dung nghiên cứu và phù hợp với đặc điểm của khách thể nghiên cứu.

Bảng hỏi chính thức được cấu trúc gồm 2 phần: phần 1 - Thông tin cá nhân của người trả lời và phần 2 - Phần nội dung câu hỏi. Ở phần tìm hiểu về thực trạng đội ngũ làm công tác TVHĐ ở khu vực phía Nam phân tích trên bình diện số lượng, chúng tôi tập trung các ý hỏi sau: tìm hiểu số lượng người làm công tác TVHĐ/trường trong 5 năm gần đây; tìm hiểu thực trạng phòng TVHĐ ở các trường phổ thông; tìm hiểu về chuyên môn của số lượng người làm công tác TVHĐ.

## 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 3.1. Thực trạng về số lượng đội ngũ làm công tác tham vấn học đường ở khu vực phía Nam trên một trường

Kết quả khảo sát bảng 2 cho thấy số lượng người làm công tác TVHĐ/trường ở khu vực phía Nam tăng qua các năm. Phân tích cụ thể cho thấy năm học 2013 - 2014 chỉ có 0,34 người/trường. Con số này thật sự rất ít và dường như mô hình phòng TVHĐ chỉ mới xuất hiện ở vài trường phổ thông. Một năm sau con số này tăng lên 0,54 người/trường đến năm 2015 - 2016 là 0,74 người/trường. Rõ ràng có sự tăng đều về số lượng người làm công tác TVHĐ ở các trường phổ thông. Cho đến nay thì số lượng người làm công tác TVHĐ/trường đạt 1,09 người/trường. Rõ ràng số lượng người làm công tác TVHĐ hiện nay đã tăng. Tuy nhiên, nếu xét về số lượng học sinh tại một trường hiện nay thì 1,09 người làm công tác tham vấn/trường thật sự là một con số quá ít.

Bảng 2. Số lượng người làm công tác TVHĐ/trường ở khu vực phía Nam trong 5 năm gần đây

Năm học	Số lượng người làm công tác TVHĐ/trường
2017 - 2018	1,09
2016 - 2017	0,95
2015 - 2016	0,74
2014 - 2015	0,54
2013 - 2014	0,34

Bên cạnh đó, theo khảo sát thì có không ít trường không có người phụ trách công tác tham vấn tâm lý cho học sinh. Kết quả này phản ánh thực tế không đồng đều về số lượng người làm công tác TVHĐ/trường ở khu vực phía Nam. Cô T.T.T.N cho biết: “Ngay từ khi Sở Giáo dục và Đào tạo có hướng dẫn về việc đưa công tác tham vấn tâm lý và hướng nghiệp vào trường học, ban giám hiệu đồng nhận thấy công tác tham vấn tâm lý cho học sinh đóng vai trò hết sức quan trọng góp phần vào hiệu quả giáo dục của nhà trường nên đã triển khai quy hoạch người phụ trách công tác này. Và cho đến hiện nay trường tôi có 2 giáo viên phụ trách việc tham vấn tâm lý cho học sinh”. Thầy M.T.T cho biết thêm: “Mô hình phòng tham vấn học đường đơn vị tôi mới được triển khai cách đây ba năm và hiện có 1 giáo viên phụ trách công tác này”. Kết quả phỏng vấn một lần nữa cho thấy số lượng người làm công tác TVHĐ/trường giữa các trường hiện nay chưa có sự đồng nhất về số lượng và có sự chênh lệch đáng kể. Nói khác đi, mỗi trường vẫn đang trang bị số lượng người làm công tác TVHĐ theo khả năng và điều kiện cho phép chứ chưa dựa trên một quy định cụ thể.

### 3.2. Thực trạng về phòng tham vấn tâm lý ở trường học tại khu vực phía Nam

Bảng 3. Thực trạng về phòng tham vấn tâm lý ở trường học tại khu vực phía Nam

Ý kiến	CBQL		Đội ngũ làm công tác TVHĐ	
	Tần số	Tỷ lệ %	Tần số	Tỷ lệ %
1. Không có phòng dành cho hoạt động TVHĐ	24	23,5	61	28,0
2. Có phòng chuyên, dành riêng cho người làm TVHĐ và chỉ thực hiện một nhiệm vụ duy nhất là TVHĐ	31	30,4	78	35,8
3. Có phòng nhưng không chuyên, sử dụng các phòng chức năng khác để thay thế	47	46,1	79	36,2
<b>Tổng cộng</b>	<b>102</b>	<b>100</b>	<b>218</b>	<b>100</b>

Kết quả thống kê từ bảng 3 về thực trạng phòng tham vấn tâm lý ở trường học tại khu vực phía Nam cho thấy ở nhóm khách thể CBQL, ý kiến được đánh giá chiếm tỷ lệ cao nhất là “có phòng nhưng không chuyên, sử dụng các phòng chức năng khác để thay thế” với có 47/102 CBQL chiếm 46,1% (gần ½ mẫu), kế đến là “có phòng chuyên, dành riêng cho người làm TVHĐ và chỉ thực hiện một nhiệm vụ duy nhất là TVHĐ” với 31/102 CBQL lựa chọn chiếm 30,4%. Kết quả này cho phép kết luận các trường phổ thông ở khu vực phía Nam hiện nay về cơ bản có phòng để thực hiện công tác tham vấn

tâm lý cho học sinh. Tỷ lệ này chiếm 76,5%, chiếm khoảng hơn  $\frac{3}{4}$  các trường phổ thông ở khu vực phía Nam.

Kết quả từ nhóm khách thể đội ngũ làm công tác TVHĐ cũng cho thấy có sự đánh giá tương tự, cụ thể là có phòng để thực hiện công tác TVHĐ với tỷ lệ 72,0% (“có phòng nhưng không chuyên, sử dụng các phòng chức năng khác để thay thế” chiếm 36,2%, “Có phòng chuyên, dành riêng cho người làm TVHĐ và chỉ thực hiện một nhiệm vụ duy nhất là TVHĐ” chiếm 35,8%). Tỷ lệ đánh giá “không có phòng dành cho hoạt động TVHĐ” ở CBQL và người làm công tác TVHĐ lần lượt là 23,5% và 28,0%. Rõ ràng sự chênh lệch này là không lớn giữa hai nhóm khách thể khi cùng đánh giá về thực trạng phòng tham vấn tâm lý ở trường học.

Kết quả khảo sát trên cũng khá tương đồng với một số ý kiến thu được từ kết quả phỏng vấn, Thầy N.H.V cho biết: “*Kỳ thực mà nói trường chúng tôi hiện nay vẫn chưa có phòng chuyên dành cho tham vấn học đường mà chỉ sử dụng một phần của phòng họp hội đồng làm phòng tham vấn. Vì tính chất đặc thù của công tác tham vấn tâm lý cho học sinh, chúng tôi đang cố gắng xây dựng phòng chuyên dành riêng cho người làm TVHĐ và chỉ thực hiện một nhiệm vụ duy nhất là TVHĐ*”.

Tóm lại, phần lớn các trường phổ thông ở khu vực phía Nam hiện nay cơ bản có phòng dành cho công tác TVHĐ. Tuy nhiên, với tỷ lệ phòng TVHĐ không chuyên và thậm chí là không có phòng để làm TVHĐ thì đây là một trở ngại rất lớn trong công tác quản lý đội ngũ người làm công tác TVHĐ. Với các nhu cầu đặc biệt của học sinh, các nhà tham vấn cần có một không gian hợp lý để có thể hỗ trợ tốt nhất. Trước thực trạng này, mỗi trường phổ thông ở khu vực phía Nam cần thiết phải có một phòng TVHĐ. Thêm vào đó, phòng TVHĐ phải được đầu tư cũng như phát huy được hết vai trò và thế mạnh của mình để đội ngũ làm công tác TVHĐ thực hiện tốt nhiệm vụ tham vấn tâm lý cho học sinh.

### **3.3. Thực trạng về số lượng người làm công tác tham vấn học đường/trường ở khu vực phía Nam phân tích trên bậc học**

Kết quả thống kê bảng 4 cho thấy số lượng người làm công tác TVHĐ/trường ở khu vực phía Nam phân bố không đồng đều theo bậc học. Chiếm tỷ lệ cao nhất thuộc về bậc “THCS” với 1,26 người/trường, với tỷ lệ chênh lệch không đáng kể là bậc “THPT” với 1,17 người/trường. Đây là tín hiệu tương đối tốt, cho thấy các trường THCS, THPT ở khu vực phía Nam về cơ bản đã có người phụ trách công tác này. Tuy nhiên, ở hai bậc học còn lại thì số lượng người làm công tác TVHĐ/trường dưới mức tỷ lệ 1,0 (bậc “tiểu học” với tỷ lệ 0,88, bậc “mầm non” với tỷ lệ 0,64).

Bảng 4. Số lượng người làm công tác TVHĐ/trường ở khu vực phía Nam phân tích trên bậc học

Bậc học	Số lượng người làm công tác TVHĐ/trường
Mầm non	0,64
Tiểu học	0,88
THCS	1,26
THPT	1,17

Như vậy các trường mầm non và tiểu học ở khu vực phía Nam hiện nay vẫn còn một số lượng tương đối các trường vẫn chưa có người làm công tác TVHĐ. Một vấn đề được đặt ra: Khi trẻ mầm non và học sinh tiểu học có vấn đề tâm lý mà không được hỗ trợ, giúp đỡ thì những hệ lụy của việc gánh chịu những thương tổn về tâm sinh lý sẽ như thế nào? Việc đề xuất giải pháp phát triển đội ngũ làm công tác TVHĐ ở khu vực phía Nam cần phải lưu tâm đến thực trạng này.

### 3.4. Thực trạng về chuyên môn chính của đội ngũ làm công tác tham vấn học đường ở khu vực phía Nam

Kết quả khảo sát bảng 5 về chuyên môn của đội ngũ làm công tác TVHĐ ở khu vực phía Nam cho thấy, theo đánh giá của CBQL và đội ngũ làm công tác TVHĐ, đội ngũ làm công tác TVHĐ ở khu vực phía Nam phần lớn không chuyên về TVHĐ mà chỉ là “kiêm nhiệm” với tỷ lệ xác nhận lần lượt là 70,6% và 60,1% ở nhóm CBQL và đội ngũ làm công tác TVHĐ. Bên cạnh đó, có gần 1/3 đến hơn 1/3 giáo viên TVHĐ được đào tạo về Tâm lý học, Giáo dục học, Tâm lý giáo dục, Tâm lý học trường học... là đội ngũ được xem là có chuyên về TVHĐ.

Bảng 5. Chuyên môn chính của đội ngũ làm công tác TVHĐ ở khu vực phía Nam

Chuyên môn chính	CBQL		Đội ngũ làm công tác TVHĐ	
	Tần số	Tỷ lệ %	Tần số	Tỷ lệ %
Chuyên về TVHĐ	30	29,4	87,0	39,9
Kiểm nhiệm	72	70,6	131,0	60,1
<b>Tổng cộng</b>	<b>102</b>	<b>100</b>	<b>218</b>	<b>100</b>

Phân tích chi tiết về số lượng đội ngũ kiêm nhiệm làm công tác TVHĐ ở khu vực phía Nam hiện nay cho thấy có 30/131 GV Ngữ văn phụ trách công tác tham vấn tâm lý cho học sinh chiếm 22,9%, đội ngũ kiêm nhiệm kể đến là GV Giáo dục công dân với 25/131 chiếm 19,1%, GV Giáo dục tiểu học và GV Vật lý cùng chiếm 17,6% với 23/131, có 22/131 GV có chuyên ngành QLGD chiếm 16,8% và 6,1% còn lại là những chuyên ngành khác. Như vậy, số lượng giáo viên kiêm nhiệm làm công tác TVHĐ chiếm gần 2/3 mẫu, con số này không hề nhỏ. Đội ngũ làm công tác TVHĐ đa phần chưa chuyên sâu vì họ được đào tạo từ những chuyên môn khác, nên khi chuyển sang làm TVHĐ sẽ gặp phải không ít những khó khăn. Các chương trình bồi dưỡng, đào tạo về TVHĐ cần quan tâm đến vấn đề này.

Không dừng lại ở đó, thực trạng trên còn phản ánh sự thiếu nhân lực trong công tác TVHĐ. Chính vì thiếu nhân lực nên giáo viên không chuyên phải kiêm nhiệm vai trò của một người làm công tác TVHĐ. Thực tế này tất yếu cần đảm bảo phát triển đội ngũ làm công tác TVHĐ cho khu vực phía Nam và phát triển đội ngũ TVHĐ cho cả nước trong tình hình hiện nay.

Một GV kiêm nhiệm công tác TVHĐ tại trường tiểu học V.T.T cho biết: “*Công tác TVHĐ đóng vai trò rất quan trọng. Chính vì lẽ đó, Ban giám hiệu nhà trường đã sớm triển khai và đưa vào hoạt động. Theo sự tín nhiệm và quy hoạch từ ban giám hiệu nhà trường, tôi đã kiêm nhiệm và phụ trách công tác tham vấn tâm lý cho học sinh cũng đã gần 5 năm*”.

#### 4. KẾT LUẬN

Số lượng người làm công tác TVHĐ/trường ở khu vực phía Nam hiện nay cơ bản đã có đội ngũ phụ trách nhưng vẫn còn khá hạn chế. Đội ngũ này có sự phân bố không đều theo bậc học. Kết quả nghiên cứu cho thấy phần lớn các trường phổ thông hiện nay đã có phòng dành cho công tác TVHĐ nhưng chủ yếu là phòng không chuyên, sử dụng các phòng chức năng khác để thay thế. Ngoài ra, đội ngũ làm công tác TVHĐ đa phần là giáo viên kiêm nhiệm từ các ngành như: Ngữ văn, Giáo dục công dân, Giáo dục tiểu học, Vật lý, Quản lý giáo dục và các chuyên ngành khác. Trong khi đội ngũ được đào tạo về Tâm lý học, Tâm lý giáo dục chiếm tỷ lệ rất ít, chỉ xấp xỉ 1/4. Vấn đề này đặt ra yêu cầu cần có biện pháp phát triển số lượng đội ngũ làm công tác TVHĐ hiện nay và chú trọng đến việc đào tạo - bồi dưỡng số lượng giáo viên kiêm nhiệm. Có như vậy thì công tác phát triển ngũ làm công tác TVHĐ mới đảm bảo cả về số lượng lẫn chất lượng.

Bài viết được tài trợ bởi Chương trình Khoa học và Công nghệ cấp quốc gia giai đoạn 2016-2020 “Nghiên cứu phát triển khoa học giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam”, mã số KHGD/16-20. Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2005). *Thông tư số 2564/BGD&ĐT-HSSV ngày 04/4/2005 về việc tăng cường công tác học sinh sinh viên vào trường học*. Hà Nội.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2005). *Công văn số 9971/BGD&ĐT-HSSV ngày 28/10/2005 về việc triển khai công tác tư vấn cho học sinh, sinh viên*. Hà Nội.
- [3] Trần Thị Minh Đức (2009). *Giáo trình tham vấn tâm lý*, NXB ĐHQG Hà Nội.
- [4] Lê Thị Thu Hà (2013). *Thực trạng quản lý hoạt động TVHĐ ở các trường THPT tại Quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh*, Luận văn Thạc sĩ Tâm lý học, Trường ĐHSPTP Hồ Chí Minh.
- [5] Phan Thị Tuyết Hương (2014). *Thực trạng quản lý hoạt động TVHĐ trường trung học tại TP.HCM*, Luận văn Thạc sĩ Giáo dục học, Trường ĐHSPTP.HCM.
- [6] Huỳnh Văn Sơn và Hoàng Văn Cận (2013). *Phát triển đội ngũ giáo viên đáp ứng nhu cầu giáo dục mầm non ở TP.HCM*, Đề tài KH&CN cấp Bộ năm 2013, mã số B2012.19.08.
- [7] Huỳnh Mai Trang (2007). *Thực trạng hoạt động TVHĐ tại các trường trung học ở nội thành Thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn thạc sĩ Tâm lý học, Trường ĐHSPTP.HCM.
- [8] N. C. Gysbers, P. Henderson (2000). *Developing and managing your school guidance program* (3rd ed.). Alexandria, VA: American Counseling Association.
- [9] S. L. Howell (2007). Professional Development and School Counselors: A Study of Utah School Counselor Preferences and Practices, *Journal of school counseling*, ISSN: 1554-2998.
- [10] K. S. Kassay (2011). *Development of a training program in school psychology in Vietnam*, St. John's University (New York), ProQuest Dissertations Publishing.
- [11] R. D. Parsons (2005). *The School Counselor as Consultant - An Intergrated Model fro School-Based Consultation*, Thomson.



**Title:** THE CURRENT SITUATION OF THE SCHOOL COUNSELING STAFF

**Abstract:** The article discusses the situation of the staff working in school counseling in the South. The results show that the number of school/school counselors in the South has increased unevenly in the last five years and the number is limited; Most of the schools now have rooms for school counseling but mostly for non-specialized rooms, using other functional rooms instead; The number of school/school counselors in the South is unequally distributed by grade level and notable for pre-primary and elementary school enrollments below 1; And the number of people working in school counseling is mostly part-time.

**Keywords:** Staff, school counseling, school counseling staff.